

TỪ LÁY

Bài tập

1. **Bài tập 1**, trang 43, SGK.
2. **Bài tập 2**, trang 43, SGK.
3. **Bài tập 3**, trang 43, SGK.
4. **Bài tập 4**, trang 43, SGK.
5. **Bài tập 5**, trang 43, SGK.
6. **Bài tập 6***, trang 43, SGK.

27

6.* Các tiếng đã cho có nghĩa như sau :

– *chiên* : chùa.

– *nê* (tiếng địa phương Nghệ Tĩnh) : trạng thái bụng đầy căng, khó tiêu, gây khó chịu.

– *rót* : rơi.

– *hành* : làm.

Từ gợi ý trên, HS tự rút ra kết luận đó là những từ láy hay từ ghép.

7. Ví dụ về loại từ láy này : *trắng trắng* có nghĩa mức độ giảm nhẹ hơn *trắng* (hơi trắng).

8. Cuộc thảo luận này có thể bàn về một số nội dung sau đây :

a) Quan sát đặc điểm cấu tạo của loại từ láy này : đặc điểm của cách láy (láy phụ âm đầu hay láy phần vần ; phần vần nào là phần vần cố định, có mặt trong tất cả từ láy thuộc loại này). Có thể dùng kí hiệu để mô hình hóa cấu tạo của loại từ láy này. Ví dụ X là phụ âm đầu, ập là phần vần cố định, y là phần vần của tiếng thứ hai.

b) Tìm hiểu ý nghĩa của các từ đã cho. Sau đó khái quát những nét giống nhau trong nghĩa của nhóm từ láy này.

c) Có thể tìm thêm những từ khác có thể quy vào nhóm từ này.

Ví dụ : *lấp loá, khập khiễng...*

7. Tìm 5 từ láy có sắc thái nghĩa giảm nhẹ so với tiếng gốc. Đặt câu với mỗi từ đó.

8. Thảo luận tổ : Tìm hiểu đặc điểm về cấu tạo và nghĩa của các từ sau đây : *bập bùng, dập dềnh, lập loè, mập mõi, nhấp nhô, nhấp nhõm, phập phồng, thập thò, xập xoè*.

Gợi ý làm bài

1. Từ láy ở đây hiểu theo quan niệm rộng như đã học ở lớp 6, nghĩa là bao gồm tất cả các từ có sự hoà phối âm thanh (dù có tiếng gốc có nghĩa hay không có tiếng gốc có nghĩa) đều xem là từ láy. Từ láy có tiếng gốc có nghĩa như *đẹp đẽ, xinh xắn*. Từ láy không có tiếng gốc có nghĩa như *tức tưởi, nức nở*. Chú ý : *ô tô* (từ gốc Pháp), *thược dược* (từ Hán Việt) không phải là từ láy. Đọc phần *Ghi nhớ* (SGK, trang 42) về sự phân biệt giữa từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận. Dựa vào kiến thức đó để tìm các từ láy trong đoạn văn và xếp chúng vào ô thích hợp.

2. Các từ láy ở đây đều có tiếng gốc có nghĩa. Dựa vào nghĩa của tiếng gốc để tìm tiếng láy thích hợp. Chú ý hiện tượng biến âm, biến thanh điệu ở một số trường hợp. Ví dụ : *khác – khang khác*.

3. Các từ trong mỗi nhóm tuy có tiếng gốc giống nhau nhưng có sự khác nhau về cách dùng và sắc thái biểu cảm. Ví dụ *xấu xí* và *xấu xa* đều có nghĩa là xấu nhưng *xấu xí* là sự đánh giá mức độ xấu về mặt hình thức, còn *xấu xa* là sự đánh giá mức độ xấu về mặt phẩm chất đạo đức. Phân biệt rõ sự khác nhau đó rồi chọn từ phù hợp điền vào chỗ trống ở mỗi câu.

4. Cần phân biệt rõ nghĩa của các từ này để đặt câu cho đúng :

- *nhỏ nhảnh* : nhỏ và trông cân đối, dễ thương.
- *nhỏ nhặt* : nhỏ bé, vụn vặt, không đáng chú ý.
- *nhỏ nhẻ* : (nói năng, ăn uống) thong thả, chậm rãi, từ tốn.
- *nhỏ nhen* : (đối xử) hẹp hòi, hay chú ý đến cả những việc nhỏ nhặt.
- *nhỏ nhoi* : nhỏ bé, ít ỏi, gây ấn tượng mỏng manh, yếu ớt.

5. Hãy xét xem các tiếng trong các từ này có nghĩa hay không, nếu tất cả đều có nghĩa thì đây là những từ ghép chứ không phải là từ láy mặc dù ở mỗi từ đều có sự giống nhau về phụ âm đầu.